

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LAI CHÂU
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2024

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con,

Chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LAI CHÂU, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thái Sơn

2. Ông Nguyễn Quốc Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lực - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị X - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 49/2023/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mào Thị L, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số nhà 455, đường C, tổ 15, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu.
(có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Ng đơn chị Mào Thị L: bà Trần Thị H – Luật sư - Đ Luật sư tỉnh Lai Châu

Địa chỉ: Số nhà 22, đường Đ, Tổ 9, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu.
(có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đỗ Thanh X, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 455, đường C, tổ 15, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu.
(Vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Công Ty G, người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thái H – chức vụ giám đốc, địa chỉ: 518, tổ 21, phường L, thành phố P, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt)

2. Ông Vi Văn Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: Xã Th, huyện B, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt)

3. Bà Vũ Thị S

Địa chỉ: Số nhà 455, đường C, tổ 15, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu.
(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của bà Mào Thị L là Ng đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà L và ông Đỗ Thanh X về chung sống với nhau có đăng ký kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào ngày 15/08/1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Sau khi kết hôn hai bên chung sống với nhau hạnh phúc với nhau, nhưng cũng liên tục phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2020 trở lại đây thì xảy ra nhiều mâu thuẫn về tình cảm và về kinh tế, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không ai quan tâm đến ai, không khí gia đình nặng nề. Mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình động viên, hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay, bà L và ông X tuy sống chung nhà nhưng đã ly thân từ tháng 7/2022. Đến nay bà L thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Thanh X.

Về việc nuôi con: Bà L và ông X có 02 con chung tên là Đỗ Tiến M, sinh ngày 25/05/1998 (cháu M đã thành niên, có khả năng lao động và tự lập) nên bà L không yêu cầu Tòa giải quyết việc nuôi dưỡng cháu M. Còn cháu Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 24/10/2008. Sau khi ly hôn bà L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà L yêu cầu ông X cấp dưỡng nuôi cháu Ng 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay chung: Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu Tòa án chia tài sản khi ly hôn, cụ thể:

Đối với thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT049022 được UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 10/6/2016 mang tên Đỗ Thanh X và Mào Thị L, tại địa chỉ số 455, đường C, tổ 15, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Trên đất hiện có 01 ngôi nhà cấp 4, trị giá nhà đất theo bà L khoảng 1.500.000.000 đồng. Nhà đất này sau khi ly hôn bà L có nguyện vọng để lại cho ông X sử dụng.

Đối với một thửa đất GCNQSDĐ số CB 490271, mang tên ông Đỗ Thanh X và bà Mào Thị L được UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 30/10/2015, địa chỉ: Bản L, xã P, huyện Đ, tỉnh Lai Châu. Là đất trồng cây lâu năm. Bà L ước tính giá trị thửa đất là 100.000.000 đồng, sau khi ly hôn bà L có nguyện vọng được sử dụng mảnh đất này.

Đối với chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu TRACOMECO, Biển kiểm soát: 27B-002.83. Số khung: 18APFT003391. Số máy: D6CAEJ275376, là tài sản chung của vợ chồng, nhưng khoảng tháng 12/2022 ông X đã tự ý bán chiếc xe này cho anh Vi Văn Đ với giá 2.280.000.000 đồng. Nên bà L yêu cầu ông X trả lại cho bà một nửa giá trị chiếc xe đã bán là 1.140.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án ngày 18/9/2023 bà L có đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật đối với thửa đất được

UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ276034 ngày 29/12/2016, địa chỉ tại tổ 15, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Vũ Thị S (mẹ đẻ ông X) đã được hiệu chỉnh sang tên ông Đỗ Thanh X ngày 15/01/2020, ước tính trị giá 500.000.000 đồng. Ngày 29/9/2023 TAND đã ban hành thông báo thụ lý đối với yêu cầu khởi kiện bỏ dung của bà L.

Đến ngày 30/10/2023 bà L lại làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể, bà không yêu cầu chia các tài sản sau:

Một là: thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT049022 được UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 10/6/2016 mang tên Đỗ Thanh X và Mào Thị L, tại địa chỉ số 455, đường C, tổ 15, phường P, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Trên đất có nhà cấp 4.

Hai là: thửa đất GCNQSDĐ số CB 490271, mang tên ông Đỗ Thanh X và bà Mào Thị L được UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 30/10/2015, địa chỉ: Bản L, xã P, huyện Đ, tỉnh Lai Châu.

Ba là: thửa đất được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ276034 ngày 29/12/2016, địa chỉ tại tổ 15, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Vũ Thị S (mẹ đẻ ông X) đã được hiệu chỉnh sang tên ông Đỗ Thanh X ngày 15/01/2020.

Do bà L đã rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến việc chia nhà đất theo đơn rút đơn khởi kiện ngày 30/10/2023, nên bà không đề nghị Tòa án đưa bà Vũ Thị S làm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nữa

Tại biên bản kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/5/2024 bà L có thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với việc chia giá trị chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 27B-00283 mà anh X đã bán cho anh Vi Văn Đ. Trước đây bà L có yêu cầu tòa án chia cho bà một nửa giá trị chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 27B-00283 mà ông X đã bán cho anh Vi Văn Đ được 2.280.000.000 đồng là 1.140.000.000 đồng. Nhưng sau khi xem xét lại thấy tiền bán xe còn phải trả nợ cho Công ty G 400.000.000 đồng còn lại 1.880.000.000 đồng, bà L yêu cầu Tòa án, buộc ông X phải trả cho bà số tiền 940.000.000 đồng. Đến phiên tiếp cận kiểm tra công khai chứng cứ ngày 10/5/2024 bà L mới được biết việc ông X đã tự ý chuyển cho con trai (Đỗ Tiên M) số tiền 1.050.000.000 đồng, từ tiền bán xe. Bà có ý kiến cho rằng tiền của ông X 940.000.000 đồng và 110.000.000 đồng trong số tiền 940.000.000 đồng của bà L. Đối với khoản tiền này bà L không yêu cầu cháu M trả lại. Do vậy bà L không đề nghị Tòa án đưa cháu M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bà L đề nghị Tòa án buộc ông X chuyển trả cho bà số tiền 830.000.000 đồng từ tiền bán chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 27B-00283.

Tài liệu chứng cứ chứng minh chiếc xe trên là tài sản chung của bà L và ông X: Hợp đồng mua bán xe ô tô số 283/HĐMBX ngày 02/3/2019 Công ty G với ông Đỗ Thanh X chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu TRACOMECO Biển kiểm soát 27B-00283 (hợp đồng này được làm trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông X) Giấy xác nhận ngày 12/12/2022 của Công ty G với bà Mào Thị L về việc bà L chuyển khoản tiền mua xe biển kiểm soát 27B-00283 và tiền lãi cùng 11

chứng từ giao dịch thể hiện việc từ 16/01/2020 đến 16/6/2022 bà L đã chuyển tổng số tiền 924.950.000 đồng cho Công ty G để trả nợ tiền mua xe.

* Ý kiến của ông Đỗ Thanh X tại biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2023 và tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 11/6/2024: Về thời gian địa điểm kết hôn cũng như quá trình chung sống ông X trình bày giống bà L. Đến nay ông X nhận thấy tình trạng mâu thuẫn giữa vợ chồng ông đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, ông X đồng ý ly hôn với bà L.

Về việc nuôi con chung: Ông X và bà L có 02 con chung tên là Đỗ Tiến M, sinh ngày 25/05/1998 (cháu M đã thành niên, có khả năng lao động và tự lập) nên ông X không yêu cầu Tòa giải quyết việc nuôi dưỡng cháu M. Còn cháu Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 24/10/2008. Ông X nhất trí nhường bà L trực tiếp được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông X nhất trí cấp dưỡng nuôi cháu Ng 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung: Bà L đề nghị Tòa án buộc ông X chuyển trả cho bà số tiền 830.000.000 đồng từ tiền bán chiếc xe Biển kiểm soát 27B-00283 Ông X không nhất trí, vì cho rằng đó là tài sản riêng của ông X, nên ông không có trách nhiệm trả tiền cho bà L sau khi ông bán xe. Ông X không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án để chứng minh chiếc xe trên là tài sản riêng của ông X.

* Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty G – người đại diện theo pháp luật bà Nguyễn Thái H tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2024 (BL 275, 276, 277) thể hiện: Khoảng tháng 3/2019 có anh Đỗ Thanh X đến đặt vấn đề mua xe ô tô biển kiểm soát 27B-00283, bà H nhất trí, giữa công ty và anh X có làm hợp đồng mua bán xe, giá bán khoảng hơn 2 tỷ đồng, đến nay anh X đã trả hết tiền mua xe cho Công ty G, đăng ký xe vẫn mang tên Công Ty G. Nhưng không có tranh chấp gì, nên bà H xin vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và phiên Tòa xét xử vụ án nếu vụ án có phải đưa ra xét xử.

* Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vi Văn Đ (theo biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2024 và đơn trình bày của anh Đ ngày 01/4/2024 (BL 263, 298, 299) thể hiện: Khoảng tháng 11/2022 anh Đ có mua 01 chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu TRACOMECO Biển kiểm soát 27B-00283 của anh Đỗ Thanh X với giá 2.280.000.000 đồng, lúc đầu anh X cũng bảo anh Đ chuyển tiền vào số tài khoản của chị L nhưng không chuyển được do lỗi ngân hàng, nên anh Đ chuyển tiền vào tài khoản của anh X tại ngân hàng MB Bank và trả tiền mặt 500.000.000 đồng có anh có anh H giám đốc công ty Phúc An chứng kiến. Đến nay anh Đ khẳng định đã trả đủ số tiền 2.280.000.000 đồng cho anh X. Việc yêu cầu chia tiền bán xe giữa chị L và anh X không liên quan đến anh Đ nên anh Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu chia tiền bán xe của chị L.

* Ý kiến của bà Vũ Thị S tại đơn xin xét xử vắng mặt: Do chị Mào Thị L rút các yêu cầu chia nhà đất nên bà không có ý kiến hay yêu cầu gì nữa.

* Ý kiến con chung:

Cháu Đỗ Tiến M, tại biên bản làm việc ngày 24/4/2024 trình bày: Sau khi cháu lập gia đình, bố cháu là ông Đỗ Thanh X thấy cháu không có công ăn việc làm nên bố có chuyển cho cháu 1.050.000.000 đồng để làm ăn, số tiền này tháng 3 và tháng 7 năm 2023 cháu đã mua 02 chiếc xe tải để chạy. Về nguồn gốc số

tiền bố cháu chuyển cho cháu cháu không rõ bố mẹ đã thống nhất với nhau hay chưa. Còn đối với yêu cầu chia tài sản của mẹ cháu đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định cháu không có ý kiến gì.

Cháu Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 24/10/2008 (tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/4/2024 BL 159): Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được ở với mẹ.

* Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Do tình trạng hôn nhân giữa ông X và bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông X cũng nhất trí ly hôn với bà L, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà L được ly hôn với ông Đỗ Thanh X.

- Về nuôi con chung: Ông X nhất trí để bà L nuôi con, quan điểm về việc nuôi con của hai ông bà phù hợp với nguyện vọng của con chung là cháu Đỗ Bảo Ng, nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Ng cho bà L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi. Đồng thời chấp nhận đề nghị về việc cấp dưỡng nuôi con chung của bà L tại phiên tòa để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con cháu Ng.

- Về chia tài sản: Chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu TRACOMECO Biển kiểm soát 27B-00283 là tài sản chung của bà L và ông X trong thời kỳ hôn nhân theo các tài liệu chứng cứ mà bà L cung cấp cho Tòa án, thể hiện công sức đóng góp của bà L trong việc mua chiếc xe trên. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sau khi trừ đi tiền nợ mua xe là 400.000.000 đồng, số tiền bán xe còn lại là 1.880.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bà L được hưởng một nửa giá trị tiền bán xe còn lại.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty G đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71, 73, 76 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Vi Văn Đ, Vũ Thị S vắng mặt không có lý do trong một số phiên họp, phiên hòa giải là chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Điều 70, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 11/6/2024, Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Đỗ Thanh X, anh Vi Văn Đ vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, ông X có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Vi Văn Đ vắng mặt không có lý do căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, 244, các Điều 271, 273, 483 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33, 38, 51, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí

tòa án, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Mào Thị L được ly hôn với ông Đỗ Thanh X.

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 24/10/2008 cho bà Mào Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ng cho đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung, ông X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Bảo Ng 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Ng thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Đỗ Thanh X có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con không ai được cản trở ông X thực hiện quyền này.

- Về chia tài sản: Do bà L rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn ngày 30/10/2023 đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Mào Thị L đối với các yêu cầu về việc chia nhà đất;

Chấp nhận yêu cầu chia tài sản của bà L. Bà L và ông X mỗi người được hưởng một nửa giá trị tiền bán xe ô tô Biển kiểm soát 27B-00283 sau khi trừ đi khoản nợ mua xe 400.000.000 đồng, còn lại là 1.880.000.000 đồng, cụ thể mỗi người được hưởng 940.000.000 đồng. Bà L tự nguyện cho con trai là cháu Đỗ Tiến M 110.000.000 đồng. Buộc ông Đỗ Thanh X trả cho bà Mào Thị L số tiền 830.000.000 đồng từ việc bán chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu TRACOMECO Biển kiểm soát 27B-00283.

- Về án phí:

+ Bà Mào Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí chia tài sản là 40.200.000 đồng. Tổng án phí mà bà L phải nộp là 40.500.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Bà L được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn dư sau khi đối trừ đi nghĩa vụ án phí phải nộp.

+ Ông Đỗ Thanh X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung và án phí chia tài sản là 40.200.000 đồng.

- Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận và giải thích về quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Mào Thị L làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đỗ Thanh X, ông X có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 15, phường P, thành phố C, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty G, bà Vũ Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Vi Văn Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Mào Thị L và ông Đỗ Thanh X chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 15/08/1995 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, do đó quan hệ hôn nhân giữa hai ông bà là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Bà L và ông X hiện vẫn sống cùng một nhà tại tổ 15, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Từ năm 2020 trở lại đây giữa hai ông bà xảy ra nhiều mâu thuẫn về tình cảm và về kinh tế, tuy sống chung nhà nhưng hai vợ chồng ông bà đã ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2022, không ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người đấy, việc này là vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng. Chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông X đã trầm trọng. Cả hai ông bà đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà L đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Thanh X, ông X đồng ý (thể hiện trong biên bản lấy lời khai và trong đơn xin xét xử vắng mặt của ông X). Như vậy, yêu cầu giải quyết ly hôn của bà L với ông X là có căn cứ theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử cần xem xét, chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Bà L và ông X có 02 con chung tên là Đỗ Tiến M, sinh ngày 25/05/1998 (cháu M đã thành niên, có khả năng lao động và tự lập) nên bà L, ông X không yêu cầu Tòa giải quyết việc nuôi dưỡng cháu M. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Còn cháu Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 24/10/2008. Trong đơn xin xét xử vắng mặt ông X nhất trí để bà L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Ng và ông cấp dưỡng nuôi cháu Ng 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) như yêu cầu của bà L. Bà L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về: Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng. Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Xét thấy quan điểm về việc nuôi cháu Ng của bà L và ông X phù hợp với nguyện vọng của cháu Ng, ý kiến về thời điểm và mức cấp dưỡng như yêu cầu của bà L là cần thiết để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung. Theo quy định tại Điều 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử cần xem xét chấp nhận yêu cầu của bà L.

[4] Về chia tài sản:

4.1. Ngày 30/10/2023 bà L có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể, bà không yêu cầu chia các tài sản sau:

Một là: thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT049022 được UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 10/6/2016 mang tên Đỗ Thanh X và Mào Thị L, tại địa chỉ số 455, đường C, tổ 15, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu. Trên đất có nhà cấp 4. Trị giá nhà đất khoảng 1.500.000.000 đồng

Hai là: thửa đất GCNQSDĐ số CB 490271, mang tên ông Đỗ Thanh X và bà Mào Thị L được UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 30/10/2015, địa chỉ: Bản L, xã P, huyện Đ, tỉnh Lai Châu. Trị giá thửa đất khoảng 100.000.000 đồng.

Ba là: thửa đất được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ276034 ngày 29/12/2016, địa chỉ tại tổ 15, phường P, thành phố C, tỉnh Lai Châu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Vũ

Thị S (mẹ đẻ ông X) đã được hiệu chỉnh sang tên ông Đỗ Thanh X ngày 15/01/2020. Trị giá thửa đất khoảng 500.000.000 đồng.

Xét việc bà L rút các yêu cầu chia tài sản là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết các yêu cầu chia tài sản của bà L.

4.2. Xét Yêu cầu chia tài sản của bà L: Ông X cho rằng chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu TRACOMECO Biển kiểm soát 27B-00283 là tài sản riêng của ông, nhưng ông X không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh việc này nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét, đó là tài sản riêng của ông X trong thời kỳ hôn nhân.

Nhận thấy, trong thời kỳ hôn nhân của bà L và ông X, ông X đã mua chiếc xe ô tô khách nhãn hiệu TRACOMECO Biển kiểm soát 27B-00283 theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 283/HĐMBX ngày 02/3/2019 giữa ông với Công ty G. Quá trình thanh toán tiền mua xe bà L đã nhiều lần chuyển tiền mua xe và tiền lãi vào tài khoản của Công ty này theo xác nhận ngày 12/12/2022 của Công ty G với bà Mào Thị L phù hợp với 11 chứng từ giao dịch thể hiện việc từ 16/01/2020 đến 16/6/2022 bà L đã chuyển tổng số tiền 924.950.000 đồng cho Công ty G để trả nợ tiền mua xe. Vì vậy, đây là tài sản chung của bà L và ông X theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình. Ông X thừa nhận ông đã bán chiếc xe ô tô trên cho anh Vi Văn Đ được 2.280.000.000 đồng phù hợp với lời khai của anh Vi Văn Đ và trích giao dịch chuyển khoản giữa anh Đ và ông X tại ngân hàng MB Bank. Sau khi ông X bán xe cho anh Đ, ông X là người giữ toàn bộ tiền bán xe. Theo đơn khởi kiện bà L yêu cầu ông X chia cho bà một nửa giá trị chiếc xe ô tô Biển kiểm soát 27B-00283 mà anh X đã bán cho anh Vi Văn Đ là 1.140.000.000 đồng. Việc ông X dùng số tiền 400.000.000 đồng từ tiền bán xe thanh toán nốt tiền nợ mua xe cho Công Ty G bà L không có ý kiến gì. Số tiền bán xe còn lại là 1.880.000.000 đồng, bà L đề nghị ông X chia cho bà một nửa là 940.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần xem xét chấp nhận. Tuy nhiên, ông X không trao đổi gì với bà L đã tự ý chuyển cho con trai ông bà là cháu Đỗ Tiến M số tiền 1.050.000.000 đồng để cháu M làm ăn (bà L cho rằng trong đó tiền của ông X 940.000.000 đồng và 110.000.000 đồng trong số tiền 940.000.000 đồng của bà L. Đối với khoản tiền này bà L không yêu cầu cháu M trả lại). Do vậy, bà L yêu cầu ông X chia cho bà một phần tiền bán xe cụ thể là 830.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 38 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà L là tự nguyện, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Các vấn đề khác: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty G và anh Vi Văn Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu chia tài sản của bà L với ông X, cũng không có yêu cầu gì; bà Vũ Thị S không có ý kiến đối với việc rút yêu cầu chia tài sản của bà L và cũng không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên và quan điểm của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Mào Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án

phí chia tài sản (tương ứng với số tiền được hưởng là 940.000.000 đồng) theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. bà L được nhận lại tiền tạm ứng án phí còn lại sau khi đã đối trừ đi nghĩa vụ án phí phải chịu.

Ông Đỗ Thanh X phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con và án phí chia tài sản (tương ứng với số tiền được hưởng là 940.000.000 đồng) theo quy định điểm b khoản 5, và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 244, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các Điều 33, 38, 39, 51, 54, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mào Thị L:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: bà Mào Thị L được ly hôn với ông Đỗ Thanh X.

[2]. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Bảo Ng, sinh ngày 24/10/2008 cho bà Mào Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Ng thành niên (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Đỗ Thanh X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đỗ Bảo Ng số tiền 2.000.000 đồng/01 tháng cho đến khi cháu Ng thành niên (đủ 18 tuổi).

Phương thức cấp dưỡng: Mỗi tháng 01 lần vào ngày 10 hàng tháng.

Thời điểm cấp dưỡng: Kể từ ngày 10/7/2024 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Ông Đỗ Thanh X có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở ông X thực hiện quyền này.

[3]. Về chia tài sản:

3.1. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu chia tài sản của bà L đối với các tài sản:

Một là: thửa đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT049022 được UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 10/6/2016 mang tên Đỗ Thanh X và Mào Thị L, tại địa chỉ số 455, đường Trường Chinh, tổ 15, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Trên đất có nhà cấp 4. Trị giá nhà đất khoảng 1.500.000.000 đồng

Hai là: thửa đất GCNQSDĐ số CB 490271, mang tên ông Đỗ Thanh X và bà Mào Thị L được UBND thành phố Lai Châu cấp ngày 30/10/2015, địa chỉ: Bản Cư Nhà La, xã Sùng Phài, huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu. Trị giá thửa đất khoảng 100.000.000 đồng.

Ba là: thửa đất được UBND thành phố Lai Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ276034 ngày 29/12/2016, địa chỉ tại tổ 15, phường Tân Phong, thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Vũ Thị S (mẹ đẻ ông X) đã được hiệu chỉnh sang tên ông Đỗ Thanh X ngày 15/01/2020. Trị giá thửa đất khoảng 500.000.000 đồng.

3.2. Buộc ông Đỗ Thanh X chuyển trả cho bà Mào Thị L số tiền 830.000.000 đồng. *(tám trăm ba mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi tương ứng với số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

[4]. Về án phí:

- Bà Mào Thị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí chia tài sản là 40.200.000 đồng. Tổng án phí mà bà L phải nộp là 40.500.000 đồng *(Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng)*, số tiền này được trừ vào số tiền 55.100.000 đồng là tiền án phí giải quyết vụ hôn nhân gia đình và án phí chia tài sản theo biên lai số 0001601 ngày 28/02/2023 bà L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu. Số tiền còn lại theo biên lai này là 14.600.000 đồng *(Mười bốn triệu sáu trăm nghìn đồng)* trả lại cho bà L.

Trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu bổ sung là 12.000.000 đồng *(Mười hai triệu đồng)* theo biên lai số 0001814 ngày 07/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

+ Ông Đỗ Thanh X phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung và án phí chia tài sản là 40.200.000 đồng. Tổng án phí mà ông X phải nộp là 40.500.000 đồng *(Bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng)*.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo lên Toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo lên Toà án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND thành phố Lai Châu;
- Các đương sự;
- Chi cục THA thành phố Lai Châu;
- UBND thị trấn Phong Thổ, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu;
- Lưu hồ sơ - TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Vân Anh

